|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD & ĐT** ………………. | **Chữ kí GT1:** ........................... |
| **TRƯỜNG THCS**………………. | **Chữ kí GT2:** ........................... |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**

**MÔN: Địa lí 9 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

**NĂM HỌC: 2024 – 2025**

**Thời gian làm bài: 45 phút *(****Không kể thời gian phát đề)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Họ và tên:** …………………………………… **Lớp**:………………..**Số báo danh:** …………………………….……**Phòng KT**:………….. | **Mã phách** |

✂

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm bằng số** | **Điểm bằng chữ** | **Chữ ký của GK1** | **Chữ ký của GK2** | **Mã phách** |

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)**

*Hãy khoanh tròn vào chữ in hoa trước câu trả lời đúng:*

**Câu 1.** Sản lượng thủy sản nước ta tăng khá mạnh do:

A. Tăng số lượng tàu thuyền và tăng công suất tàu.

B. Tăng người lao động có tay nghề.

C. Tăng cường đánh bắt xa bờ.

D. Tăng số làng nghề làm tàu, thuyền và dựng cụ bắt cá.

**Câu 2.** Dân cư nước ta phân bố không đồng đều, tập trung đông đúc ở các vùng nào?

A. Hải đảo

B. Miền núi

C. Trung du

D. Đồng bằng

**Câu 3.** Đâu là mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả cao ở nước ta?

A. Nông nghiệp xanh.

B. Nông nghiệp hữu cơ.

C. Nông nghiệp sinh thái

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 4:** Đâu là trung tâm công nghiệp có quy mô rất lớn ở nước ta?

A. Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng.

B. Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

C. Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.

D. Hà Nội, Hải Phòng, Vũng Tàu.

**Câu 5:** Đâu là **không** phải biện pháp giải quyết tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm ở nước ta?

A. Phân bố lại dân cư và chuyển dịch cơ cấu sử dụng lao động giữa các vùng.

B. Thu hút đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng hóa các ngành hoạt động kinh tế ở nông thôn.

C. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo lao động, đẩy mạnh hoạt động trải nghiệm.

D. Phát triển các hoạt động công nghiệp, dịch vụ ở các đô thị.

**Câu 6:** Dân số đông và tăng nhanh gây ra những hậu quả xấu đối với:

A. Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống.

B. Môi Trường, chất lượng cuộc sống.

C. Chất lượng cuộc sống và các vấn đề khác.

D. Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống; tài nguyên môi trường.

**Câu 7:** Việc nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ phải dựa trên cơ sở chủ yếu nào?

A. Dân cư và nguồn lao động.

B. Thu hút đầu tư nước ngoài.

C. Trình độ công nghệ, lao động, cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.

D. Chính sách phát triển ngành dịch vụ của nhà nước.

**Câu 8:** Nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn là cơ sở để phát triển mạnh ngành:

A. Công nghiệp khai thác dầu thô và khí tự nhiên.

B. Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm.

C. Công nghiệp sản xuất năng lượng điện.

D. Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1 (1,5 điểm).**

a. Cơ cấu dân số nước ta có những thuận lợi và khó khăn gì cho việc phát triển kinh tế xã hội?

b. Cần có biện pháp gì để khắc phục những khó khăn này?

**Câu 2 (1,0 điểm).** Vì sao công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu công nghiệp nước ta?

**Câu 3 (0,5 điểm).** Em hãy nêu những điều kiện cần thiết để phát triển ngành du lịch ở nước ta?

**BÀI LÀM**

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

|  |
| --- |
|  |

✄

**BÀI LÀM:**

 ………………………………………………………………………………………....

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………

**TRƯỜNG THCS** ........

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2024 – 2025)**

**MÔN: LỊCH SỬ ĐỊA LÍ 9 (PHẦN ĐỊA LÍ) – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

 **A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: 2,0 điểm**

 ***Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 |
| **A** | **D** | **D** | **A** | **C** | **D** | **C** | **B** |

 **B. PHẦN TỰ LUẬN**: **3,0 điểm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1****(1,5 điểm)** | a. \* Thuận lợi: Theo cơ cấu đan số nước ta số người trong độ tuổi lao động khá cao bảo đảm nguồn lao động dồi dào cho việc phát triển kinh tế của đất nước. Ngoài ra, hằng năm dân số nước ta tăng thêm 1 triệu người tạo thêm nguồn lao động dự trữ.\* Khó khăn: Tuy số lao động dồi dào, nguồn dự trữ lao động lớn song trong điều kiện sản xuất còn thấp kém, đất nước vừa thoát khỏi chiến tranh chưa lâu nên mức phát triển kinh tế chưa đáp ứng nhu cầu đời sống của một số dân quá đông. Ngoài ra còn gây nhiều bất ổn về xã hội và bảo vệ môi trường. | **1,0** |
| b. Các biện pháp khắc phục khó khăn:- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, mở ra nhiều khu công nghiệp, nhà máy, kêu gọi đầu tư các doanh nghiệp trong và ngoài nước để giải quyết dư thừa lao động, tạo nhiều việc làm cho người lao động .- Nhà nước có chính sách hợp lí về xuất khẩu lao động sang các nước công nghiệp tiên tiến vừa giảm bớt sức ép về thất nghiệp vừa tạo điều kiện cho người lao động tiếp thu học hỏi kĩ thuật, nâng cao tay nghề. | **0,5** |
| **Câu 2** **(1,0 điểm)** | - Nguồn tài nguyên tự nhiên về nông lâm ngư nghiệp nước ta rất phong phú.- Lực lượng lao động dồi dào, có truyền thống trong các nghành chế biến thực phẩm.- Các sản phẩm chế biến được nhiều người tiêu thụ, các nước trên thế giới ưa chuộng như tôm, cá, trái cây.- Dân số đông tạo ra thị trường tiêu thụ rộng lớn ở trong nước, ngoài ra còn có các thị trường nước ngoài vốn ưa chuộng các sản phẩm nông sản thuỷ sản nước ta. | **1,0** |
| **Câu 3****(0,5 điểm)** | - Phải có tài nguyên du lịch phong phú:+ Tài nguyên du lịch tự nhiên: Phong cảnh đẹp, bãi tắm tốt, nhiều động, thực vật quí hiếm.+ Tài nguyên du lịch nhân văn: Các công trình kiến trúc, di tích lịch sử, lễ hội truyền thống, văn hoá dân gian ..- Có các địa điểm du lịch nổi tiếng được xếp hạng di sản Thế Giới như: Vịnh Hạ long, Phong nha kẽ bàng, Cố đô Huế, Mĩ sơn - Hội An, Nhã nhạc cung đình Huế, Cồng Chiêng Tây Nguyên.- Cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu. | **0,5** |

**TRƯỜNG THCS**.........

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2024 – 2025)**

**MÔN: LỊCH SỬ ĐỊA LÍ 9 (PHẦN ĐỊA LÍ) – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | **MỨC ĐỘ** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **VD cao** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **CHƯƠNG 1: ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM** |
| **Bài 1: Dân cư và dân tộc, chất lượng cuộc sống**  |  | 1 ý | 1 |  |  |  |  | 1 ý |
| **Bài 2: Phân bố dân cư và các loại hình quần cư** | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| **Bài 3: Thực hành: Phân tích vấn đề việc làm ở địa phương** | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| **CHƯƠNG 2: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM** |
| **Bài 4: Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản** |  |  | 1 |  |  |  |  |  |
| **Bài 5: Thực hành: Viết báo cáo về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả** | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| **Bài 6: Công nghiệp** |  |  | 1 |  |  | 1 |  |  |
| **Bài 7: Thực hành: Xác định các trung tâm công nghiệp chính ở nước ta** | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| **Bài 8. Dịch vụ** |  |  | 1 | 1 |  |  |  |  |
| **Tổng số câu TN/TL** | **4** | **1 ý** | **4** | **1** | **0** | **1** | **0** | **1 ý** |
| **Điểm số** | **1,0** | **1,0** | **1,0** | **0,5** | **0** | **1,0** | **0** | **0,5** |
| **Tổng số điểm** | **2,0 điểm****20%** | **1,5 điểm****15%** |  **1,0 điểm****10%** | **0,5 điểm****5%** |

**TRƯỜNG THCS**.........

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2024 – 2025)**

**MÔN: LỊCH SỬ ĐỊA LÍ 9 (PHẦN ĐỊA LÍ – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/****Số câu hỏi TN** | **Câu hỏi** |
| **TN****(số ý)** | **TL****(số câu)** | **TN****(số ý)** | **TL****(số câu)** |
| **CHƯƠNG 1: ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM** |
| **Bài 1: Dân cư và dân tộc, chất lượng cuộc sống** | Nhận biết  | Nhận biết được thuận lợi và khó khăn của cơ cấu dân số cho việc phát triển kinh tế xã hội ở nước ta. |  | **1** |  | **C1 ý a****(TL)** |
| Thông hiểu | Xác định được hậu quả xấu của việc dân số đông và tăng nhanh. | **1** |  | **C6** |  |
| Vận dụng cao | Xác định được các biện pháp khắc phục khó khăn của cơ cấu dân số đối với việc phát triển kinh tế xã hội ở nước ta. |  | **1** |  | **C1 ý b****(TL)** |
| **Bài 2: Phân bố dân cư và các loại hình quần cư** | Nhận biết  | Nhận biết vùng tập trung đông dân cư nhất ở nước ta. | **1** |  | **C2** |  |
| **Bài 3: Thực hành: Phân tích vấn đề việc làm ở địa phương** | Nhận biết | Nhận biết các biện pháp giải quyết tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm ở nước ta. | **1** |  | **C5** |  |
| **CHƯƠNG 2: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM** |
| **Bài 4: Nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản** | Thông hiểu | Xác định được nguyên nhân khiến sản lượng thủy sản nước ta tăng khá mạnh. | **1** | **1** | **C1** |  |
| **Bài 5: Thực hành: Viết báo cáo về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả** | Nhận biết | Nhận biết các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả cao ở nước ta. | **1** |  | **C3** |  |
| **Bài 6: Công nghiệp** | **Thông hiểu** | Xác định được nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn là cơ sở để phát triển ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm. | **1** |  | **C8** |  |
| **Vận dụng** | Xác định vì sao công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu công nghiệp ở nước ta. |  | **1** |  | **C3****(TL)** |
| **Bài 7: Thực hành: Xác định các trung tâm công nghiệp chính ở nước ta** | Nhận biết  | Chỉ ra được trung tâm công nghiệp có quy mô rất lớn ở nước ta. | **1** |  | **C4** |  |
| **Bài 8. Dịch vụ** | Thông hiểu | - Xác định được các yếu tố nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ.- Xác định các điều kiện cần thiết để phát triển ngành du lịch ở nước ta. | **1** | **1** | **C7** | **C2****(TL)** |